

THIỆT CHẾ VĂN HÓA TÂM LINH QUA TỤC THỜ THIÊN HẬU CỦA NGƯỜI HOA Ở TÂY NAM BỘ: TRUYỀN THỐNG & BIẾN ĐỔI¹

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến văn hóa tổ chức trong tín ngưỡng Thiên Hậu, từ cách thức tổ chức xã hội, cơ sở thờ tự, thờ cúng, đến những hoạt động văn hóa tại địa phương. Đồng thời có so sánh tính truyền thống và những biến đổi trong xu thế Tây Nam Bộ ngày càng được đô thị hóa.

Từ khóa: Biến đổi, người Hoa, Tây Nam Bộ, Thiên Hậu, truyền thống, tục thờ.

Tìm hiểu thiết chế văn hóa tâm linh qua tục thờ Thiên Hậu miền Tây Nam Bộ chính là tìm hiểu văn hóa tổ chức của tục thờ ấy, từ cách thức tổ chức cơ sở thờ tự, thờ phụng, đến những hoạt động văn hóa tại địa phương. “Nói đến văn hóa tổ chức là nói đến hình thức tín ngưỡng, giá trị và thói quen được phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của tổ chức. Những điều này được thể hiện trong cách điều hành và hành vi ứng xử của các thành viên”¹. Tìm hiểu, phân tích vấn đề này chúng tôi không chỉ chủ yếu dựa vào tư liệu thành văn, mà còn dựa trên những tư liệu điền dã trong nhiều năm, đặc biệt là năm 2014 và 2015 tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, và tiếp cận nghiên cứu so sánh theo cả lịch đại và đồng đại.

1. Tổ chức xã hội của người Hoa

1.1. Bang

Khi di cư đến bất cứ một quốc gia nào, người Hoa cũng nhanh chóng thiết lập tổ chức nhằm liên kết thành những nhóm người cùng địa phương, cùng quê hương gốc, cùng nói chung một ngôn ngữ. Từ thế kỷ XVII, ở Việt Nam đã xuất hiện tổ chức đầu tiên của người Phúc Kiến mang tên Sơn Trang hội, về sau có thêm Hội Lý Châu, Đồng Hương. Đây là những tổ chức ái hữu có mục đích tín ngưỡng và là tiền thân của

* PGS. TS. Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Bài viết này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV5.2-2012.20

Bang². Bang là một dạng tổ chức xã hội ra đời từ nhu cầu sinh tồn của những di dân Trung Hoa, có nội dung hoạt động là hỗ trợ thành viên trong Bang về vật chất và tinh thần, xây dựng hội quán làm nơi sinh hoạt chung; xây dựng, quản lý, tôn tạo cơ sở sinh hoạt văn hóa thờ cúng cộng đồng; xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội: trường học, bệnh viện, nghĩa trang an táng cho người quá cố không có người thân; tổ chức các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao³. Năm 1787, tổ chức Bang chính thức được Nguyễn Ánh cho thành lập⁴. Lúc đầu có 4 bang⁵: Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam, Quảng Châu; sau đó thêm 3 bang mới, thành 7 bang⁶. Năm 1871, chính quyền thuộc địa Pháp giải thể 7 bang, định lại thành 4 bang theo phương ngữ: Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hạ Châu (Hẹ). Năm 1885, để quản lý chặt chẽ người Hoa, 4 bang phương ngữ được cơ cấu thành 5 bang: Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam, Quảng Đông, Hẹ. Đứng đầu Bang có Bang trưởng, do thành viên trong Bang bầu lên và được chính quyền thuộc địa chấp thuận. Đầu thế kỷ XX, *Hiệp hội bốn bang* ra đời, gồm tổ chức liên hiệp của Phúc Kiến, Triều Châu, Quảng Đông, Hẹ. Mỗi bang cử đại diện tham gia Ban Chấp hành gọi là Lý Sự Hội. Nơi làm việc của thành viên trong hiệp hội gọi là *Tứ bang hội quán*. Năm 1927, *Hiệp hội bốn bang* được mở rộng thành *Hội Hoa kiều Việt Nam*. Năm 1946, Pháp và Trung Hoa Dân quốc ký hiệp ước về quan hệ giữa Đông Dương thuộc Pháp với Trung Hoa. Theo Hiệp ước này, các tổ chức Bang của người Hoa ở Việt Nam được thay bằng những *Nhóm hành chính Trung Hoa địa phương*. Chức danh đứng đầu là Chủ tịch. Năm 1960, tổ chức Bang - Lý Sự Hội và các biến tướng của nó chính thức giải tán dưới chính quyền Ngô Đình Diệm.

1.2. Hội quán

Hội quán là tổ chức đoàn thể do thương nhân lập ra, là “nơi dành cho các hiệp hội theo ngôn ngữ hay theo xuất xứ”⁷. Khi di dân đến vùng đất mới, dù còn nhiều khó khăn, nhưng người Hoa đã xây dựng ngay ngôi miếu để tạ ơn thần linh, và hội quán để có nơi lưu trú tạm thời. Có thể thấy, tùy vào tình hình, thực lực cụ thể của từng nhóm phương ngữ và khu vực họ đến định cư mà miếu hay hội quán được thành lập trước⁸. Mặt khác, cũng cần phân biệt người Hoa di dân ở Nam Bộ gồm hai bộ phận: bộ phận thứ nhất, gồm những người “phản Thanh, phục Minh” đến Việt Nam vào thế kỷ XVII vì lý do tị nạn chính trị, hậu duệ của họ là người Minh Hương; trong khi nhóm thứ hai nhập cư vào Việt Nam vì lý do sinh kế, từ thế kỷ XVIII trở đi, đặc biệt là đầu thế kỷ XX đến năm

1945. Phân biệt như vậy vì quá trình Việt hóa của hai bộ phận này hoàn toàn khác nhau. Nhóm thứ nhất được tổ chức thành đơn vị xã, như Trấn Biên Thanh Hà xã, Gia Định Minh Hương xã, Hà Tiên Minh Hương xã... Trong khi đó, nhóm thứ hai được tổ chức thành “Phủ” rồi “Bang” như phủ Phúc Châu, phủ Chương Châu, phủ Tuyên Châu, rồi bang Phúc Kiến, bang Hải Nam... Mỗi bang có một hội quán. Cạnh ngôi miếu thờ các vị thần của thành viên trong bang là hội quán, là trường học, được thiết kế đối xứng hai bên miếu. Sân hội quán còn là nơi biểu diễn văn nghệ, nơi luyện tập thi đấu thể dục - thể thao. Về sau, mỗi bang còn có một bệnh viện, một nghĩa trang riêng. Những thiết chế văn hóa này chứng tỏ hội quán có một vai trò đặc biệt quan trọng trong cộng đồng người Hoa di dân. Tuy nhiên, hội quán cũng có thể là của một hoặc nhiều nhóm người Hoa khác nhau.

1.3. Công sở

Là tổ chức hoạt động theo nghề nghiệp, công sở cũng mang tính tổ chức đồng hương, cũng hoạt động thờ cúng thần thánh, làm việc từ thiện và công ích, tiến hành các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, nhưng chức năng quan trọng nhất của nó đã chuyển sang phương diện nghiệp vụ, vì đây là tổ chức theo nghề nghiệp. Vì mỗi thương nhân đều thuộc về một bang, là thành viên của một hội quán, nên phần lớn công sở đều được nhất hóa vào hội quán. Như vậy, với sự đồng nhất giữa hội quán và miếu, tức cơ sở thờ tự, nên Ban Quản trị hội quán còn thực hiện chức năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực tôn giáo của cộng đồng.

2. Tổ chức cơ sở thờ tự

2.1. Tên gọi cơ sở thờ tự Thiên Hậu

Nhằm phục vụ cho việc thực hành thờ tự Thiên Hậu, các thương nhân kêu gọi sự đóng góp của di dân có cùng nhóm phương ngữ, cùng quê quán để xây dựng cơ sở thờ tự. Buổi đầu, cơ sở thờ tự Bà được gọi là Cung, miếu. Do Bà là vị Thánh mẫu đã được phong tặng qua các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh, nên nơi Bà ngự được gọi là Cung, ý muốn chỉ nơi đây là cung vàng điện ngọc của bậc Thánh Mẫu. Sau này, trong dân gian quen gọi Chùa Bà.

Ở Tây Nam Bộ, tên gọi chỉ nơi thờ Bà khá phong phú, gọi là Cung, như *Thiên Hậu Cung* ở Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, Tp. Bạc Liêu; gọi là Miếu, như *Thiên Hậu Miếu* ở Thành phố Cà Mau; gọi là *chùa Bà Thiên Hậu* như ở số 31 đường Lê Lợi, huyện Giá Rai, Bạc Liêu; gọi là

Thiên Hậu Thánh Mẫu Miếu như ở phường 3, đường Ninh Bình, Tp. Bạc Liêu; gọi là *Thiên Hậu Cổ Miếu* như ở khóm 4, 5, 6, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng; *Thiên Hậu Thánh Mẫu Cổ Miếu* ở ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng...

Miếu/Cung thờ Bà được dựng lên có thể chỉ do một nhóm cùng phương ngữ, nhưng cũng có thể do nhiều nhóm phương ngữ, nhiều phủ cùng nhau xây dựng, như Thất Phủ Miếu ở xã Song Phú, huyện Tam Bình, Vĩnh Long, do cư dân thuộc 7 phủ xây dựng.

Nếu như việc xây dựng hội quán ở Việt Nam và Tây Nam Bộ nói riêng, chỉ do thương nhân bỏ tiền xây cất, thì ở Trung Quốc, còn do quan lại chính quyền cùng thương nhân, hay do quan lại và chính khách cùng nhau xây dựng⁹.

Ở Việt Nam và Tây Nam Bộ nói riêng, miếu thờ Bà và hội quán có tính chất và đặc điểm là mang *tính khu vực*, vì thu hút những người đồng hương và mang *tính thương nghiệp* vì hình thành do thương nghiệp phát triển, thương nhân buôn bán ngày càng đông, cần có nơi hoạt động cố định, nơi bàn bạc việc kinh doanh, nơi thảo luận giá cả. Cho nên, bất kể hội quán buổi đầu do ai xây dựng thì rốt lại nó cũng thể hiện rất rõ tính chất thương nghiệp¹⁰.

2.2. Vị trí xây dựng

Khảo sát miếu thờ Bà ở Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang... cho thấy hầu hết đều được xây dựng ở nơi thị trấn, thị tứ, ở ngã ba sông. Đây không chỉ là đặc điểm về vị trí các ngôi miếu của người Hoa ở Tây Nam Bộ, mà còn mang tính phổ biến ở Việt Nam. Đến nhập cư tại Việt Nam, đa số di dân đều đi bằng đường thủy, đặc biệt là ở Nam Bộ, với hệ thống sông ngòi chằng chịt, giao thông đường thủy sẽ thuận lợi hơn. Khi đến định cư, họ chọn ngã ba sông/rạch để xây miếu thờ Bà, vì đây là nơi tập trung cư dân từ nhiều nơi đến, sẽ là địa điểm tập trung khu dân cư buôn bán. Miếu Thiên Hậu xã Quách Phàm, huyện Đầm Dơi, Cà Mau nằm bên bờ rạch Cây Dương, gần sông cái Keo; Miếu Thiên Hậu xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, Cà Mau nằm ở ngã ba sông Nhà Máy và Kinh Ngang.

2.3. Kiến trúc miếu Bà

Mỗi ngôi miếu, theo nhóm phương ngữ, khi thành lập sẽ có kiểu thức kiến trúc đặc thù, giúp phân biệt miếu Thiên Hậu của từng nhóm người Hoa. Miếu thờ Thiên Hậu của nhóm Phúc Kiến có mái hình thuyền, đầu

đao cong vút. Hai cửa sổ mặt trước miếu hình tròn, trông như hai mắt cọp. Người Phúc Kiến tin rằng cọp là vật tổ của nhóm mình. Nếu như nhiều năm trước đây, khi đến định cư tại vùng đất mới, hầu hết miếu thờ thần linh, dù là nam hay nữ thần, đều được xây cất rất đơn sơ, mái lá, vách ván, hoặc mái thiếc, vách đất, thì khi công việc làm ăn, chỗ ở đã ổn định, người Hoa nhanh chóng đóng góp tiền của để trùng tu lại ngôi miếu cũ, mở rộng diện tích, hoặc vì nhiều lý do, như đất chật hẹp do xây dựng quá sát bờ sông, họ sẽ di dời miếu sang khoảnh đất mới, có diện tích lớn hơn. Hầu hết miếu thờ Bà ở Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Vĩnh Long... đều nằm trong diện này.

Mỗi ngôi miếu thờ Bà đều có kiến trúc khá tương đồng với miếu thờ các thần linh khác. Sự khác biệt trong kiến trúc không do loại thần linh được thờ tự quy định, mà từ quan niệm nghệ thuật, thẩm mỹ của từng nhóm người Hoa theo phương ngữ. Nhóm Phúc Kiến có kiến trúc đặc thù nhất. Nếu như miếu của nhóm Phúc Kiến có mái cong hình thuyền, thì mái miếu của nhóm Quảng Đông có đầu đao dầy, uốn lượn như hình chữ U úp ngược trên mái. Tại cửa ra vào miếu, hai chiếc bảo cổ thạch (còn gọi trống đá) của nhóm Hoa Phúc Kiến có quy mô lớn nhất, trong khi của nhóm Hoa Quảng Đông, Triều Châu có thể có quy mô rất nhỏ hoặc không có. Ở miền Tây Nam Bộ, dạng trang trí này, qua nhiều lần trùng tu miếu, không còn thấy phổ biến như trước đây.

Ngoài ra, trước cửa vào miếu, lúc nào cũng có hai con vật, một đực và một cái, vị trí đặt theo quan niệm: “nam tả, nữ hữu”, nếu miếu Bà (nữ thần) hoặc quan văn sẽ đặt lân. Con lân cái lúc nào cũng trong tư thế đang ôm con. Nếu miếu thờ nam thần hoặc quan võ sẽ đặt hai sư tử.

Nóc miếu thờ Bà, dù thuộc nhóm Hoa nào, cũng thường có hình tượng Ông Nhật, Bà Nguyệt trên nóc mái, cuối đầu đao mặt trước miếu. Theo quan niệm, người Hoa đặt hai tượng này, ngoài yếu tố hài hòa giữa âm - dương, trời đất, còn mang ý nghĩa ám chỉ miếu của những người hoài vọng nhà Minh, với hai chữ Hán: Nhật - Nguyệt, ghép lại thành chữ Minh (明). Kiến trúc mặt bằng thường được kết cấu theo hình chữ tam, với 3 dãy nhà song song, từ trước ra sau, ngăn cách nhau bởi khu vực thoáng dang, gọi là sân thiên tỉnh, tức Giếng Trời.

Mặt trước miếu Bà thường được xây bằng những viên gạch nguyên, không tô hồ. Đây là dạng kiến trúc truyền thống chùa miếu ở Trung Quốc. Trước thế kỷ XX, nguyên vật liệu xây miếu còn được chuyên chở

từ Trung Quốc sang. Dần dà, trong quá trình định cư lâu dài, qua nhiều lần trùng tu, miếu có thêm các vật liệu được sản xuất tại chỗ. Như trường hợp các ngôi miếu Thiên Hậu của người Hoa Quảng Đông ở Vĩnh Long, An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, trên mái miếu trang trí nhiều quần thể tiểu tượng gốm, đều do các lò gốm ở Chợ Lớn sản xuất, như lò Bửu Nguyên, Đồng Hòa...

Hai bên mặt trước miếu thường trang trí hai con vật, rồng và hổ. Con hổ trắng được đặt bên phải, con rồng xanh bên trái miếu. Hai hình tượng này là biểu tượng của Vật linh giáo (Animism) nhưng quan trọng hơn, chính là biểu tượng của thể đất phong thủy tốt của vị trí miếu, nơi có “tả thanh long, hữu bạch hổ”.

Phần tiền điện thường có lối vào bằng khung cửa toàn đá sa thạch, giúp cho ngạch cửa khó bị xói mòn, do được sử dụng thường xuyên. Phần tiền điện của miếu, ngoài cửa vào miếu, còn có một cửa khác, nối tiền điện và trung điện, hoặc tiền điện với sân thiên tỉnh. Cửa này, người thường không được phép ra vào, vì đó là lối đi dành cho thần linh, dùng rước Bà ra ngự lãm văn nghệ ngoài sân miếu, hoặc đi diễu hành quanh khu vực cư trú của người Hoa.

Miếu Thiên Hậu xã An Hiệp, Châu Thành, Sóc Trăng tọa lạc tại vùng có đông người Khmer cư trú, chiếm đến 60% dân số, nên trước miếu có sala-ten dùng cầu an, kiến trúc mái miếu theo dạng bánh ít, chính điện được thiết kế dạng tứ trụ, ảnh hưởng tư tưởng triết học Phương Đông: tứ tượng sinh bát quái, nên đầu mái trong chính điện được cấu trúc tỏa ra thành 8 khung sườn.

Hoạt động tôn giáo tại các miếu Thiên Hậu được đặt dưới sự chỉ đạo của Ban Quản trị. Thành viên trong Ban phải là những người có uy tín trong nhóm phương ngữ, được sự bảo trợ của các doanh nghiệp. Ban Quản trị hội quán có cơ cấu khá chặt chẽ. Mỗi Ban có trưởng ban và từ 10 đến 21 ủy viên. Sở dĩ có con số 21 thành viên vì có sự phân công 3 người trực trong một ngày vào sáng, chiều, tối. Như vậy, suốt 7 ngày trong tuần đều có thành viên Ban Quản trị trực tại miếu/hội quán, để giải quyết các công việc thuộc cộng đồng. Hiện nay (năm 2015), số thành viên trong từng ngôi miếu không đạt đủ con số này, vì không đủ người tham gia vào Ban Trị sự. Miếu Thiên Hậu ở số 62 đường Lê Lợi, Tp. Cà Mau, có 30 thành viên trong Ban Trị sự là trường hợp hiếm hoi. Miếu Thiên Hậu của nhóm Hoa Triều Châu ở xã Song Phú, huyện Tam Bình,

tỉnh Vĩnh Long hiện chỉ có 05 người trong Ban Trị sự, đều là người Việt gốc Hoa. Sự sụt giảm số thành viên trong Ban Trị sự miếu thời gian gần đây cho thấy cơ cấu nhân sự được phân công như đã đề ra trước đây, nay không được đáp ứng. Những ngôi miếu lớn, tọa lạc tại khu vực có đông cư dân Hoa, nên còn giữ lại được một thành phần nhân sự khá đông. Miếu Thiên Hậu ở thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có 18 thành viên trong Ban Trị sự. Cũng cần nói thêm là có sự thay đổi tên gọi dùng để chỉ tổ chức điều hành miếu/hội quán trong mỗi giai đoạn khác nhau. Sau năm 1975, đa số miếu đều gọi là Ban Quản trị miếu/hội quán. Khoảng từ 10 năm trở lại, tên gọi chính thức ghi trong cơ cấu tổ chức và điều lệ là Ban Trị sự (BTS).

Ban Trị sự, không chỉ bao gồm những người đại diện cho các thành viên trong nhóm phương ngữ, chăm lo tu sửa miếu, hội quán, tổ chức hội họp, tổ chức các lễ Vía thần hằng năm, mà còn có tác dụng nhất định, tham gia vào việc điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa của nhóm phương ngữ mình. Ngoài ra, không thể không nhắc đến vai trò của các mạnh thường quân. Thành viên BTS, chẳng những là người có uy tín, mà luôn là người có tiềm lực kinh tế mạnh, đi tiên phong trong việc đóng góp cho hội quán. Trưởng ban và phó ban luôn đóng góp ở mức cao nhất.

Về đại thể, tổ chức nhân sự của BTS gồm: 01 trưởng ban, các phó ban và các bộ phận chuyên trách như tài chính, kế toán, thư ký, kiểm soát...

Ban Trị sự được thành lập do thành viên trong Ban tín nhiệm bầu ra. Nhiệm kỳ làm việc có thể 2, 3, 4, hoặc 5 năm, tùy vào mỗi hội quán, không có quy định thống nhất. Nếu như trước năm 1975, thành viên trong BTS là những người cùng nhóm phương ngữ, thì nay cũng có sự đan xen các thành viên thuộc nhóm phương ngữ khác, dù rằng miếu thuộc của một nhóm phương ngữ. Miếu Thiên Hậu Sông Đốc có thành viên BTS gồm những người Hoa Triều Châu và Việt; Miếu Thiên Hậu ở Vũng Thom, Sóc Trăng, trong Ban Trị sự có 12 người, gồm 07 người Hoa Triều Châu, 02 người Khmer và 03 người Việt.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp cơ sở thờ Bà do người của 7 phủ hợp lại xây cất, thì BTS có thành viên thuộc 5 nhóm phương ngữ: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam, Hẹ, như ở Thất Phủ miếu, Tp. Vĩnh Long.

Như vậy, chính từ thiết chế của BTS hội quán, mỗi thành viên trong Ban có được nhiều mối liên hệ với các tổ chức khác. Thông qua sinh hoạt

ở hội quán, các thành viên có dịp gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm trong mua bán, sản xuất, từ đó mối liên hệ với các tổ chức bên ngoài được hình thành, đó là các hội đoàn văn hóa, thể dục - thể thao, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hội quán. Ngoài quan hệ với các tổ chức khác, BTS còn có mối quan hệ với các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài. Thông qua mạng lưới xã hội này, miếu/hội quán có được thuận lợi hơn trong việc trùng tu từ kinh phí đóng góp, và ngược lại văn hóa của cộng đồng người Hoa có dịp phổ biến rộng hơn, vượt phạm vi không gian văn hóa quốc gia.

Trong mỗi hội quán, tùy vào cách tổ chức của BTS, còn lập ra một Ban Thảo Ngán (Thào Kê), thành viên gồm những người tự nguyện đăng ký giúp BTS lo việc mua sắm lễ vật cúng tế, đãi tiệc... và đi vận động kinh phí cho lễ Vía hằng năm, gọi là đi “tôi tiền” (quyên góp); lo các khoản chi xuất khác trong ngày vía. Thiên Hậu Cung Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu lập Ban Thảo Ngán có 4 người, lo tổ chức việc cúng miếu trong nguyên một năm. Năm sau lại đề cử những người khác.

3. Sinh hoạt tôn giáo

Tùy vào điều kiện nhân sự và tài chính của từng miếu, mà mỗi nơi có hình thức sinh hoạt tín ngưỡng Thiên Hậu khá khác biệt nhau. Tại mỗi ngôi miếu Thiên Hậu, việc bày trí tượng thờ và nội dung lễ hội Vía Bà có khác biệt, nhưng cũng chỉ là tiểu tiết. Về đại thể, việc thờ cúng Thiên Hậu đều đồng nhất.

3.1. Bày trí tượng thờ

Là miếu thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, nên trang thờ Bà lúc nào cũng ở vị trí trung tâm của miếu, phần chính diện. Sự khác biệt thường tùy thuộc vào sở thích của từng nhóm phương ngữ mà có sự phối thờ khác nhau. Nếu như nhóm người Hoa Quảng Đông thường phối tự Bà với hai nữ thần Long Mẫu nương nương và Kim Huê nương nương, thì ở người Hoa Triều Châu lại phối tự với Quan Thánh và Ông Bồn - Bà Bồn, như trường hợp miếu Thiên Hậu ở Vũng Thơm (Sóc Trăng); hay phối tự Quan Thánh và Quan Âm như trường hợp ở Thiên Hậu Thánh mẫu cung (xã An Hiệp, Châu Thành, Sóc Trăng). Người Hoa Phúc Kiến không thờ hệ thống cặp đôi Ông Bồn - Bà Bồn trong cùng trang thờ. Xu thế Việt hóa tại nhiều miếu đã diễn ra trong quá trình sống cộng cư với người Việt, đưa đến

việc phối thờ Phúc Đức Chính Thần và Bà Chúa Xứ, như trường hợp ở Thiên Hậu Cung, Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Ở những vùng cộng cư 3 dân tộc, giao lưu với tôn giáo của người Khmer cũng được thể hiện qua bàn thờ Neak Tà trong chính điện, với bài vị ghi: Lục Tà Công, tại miếu Thiên Hậu ở Vũng Thom (Sóc Trăng), hay trong sân miếu Bà ở Thị trấn Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng... Ở ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, Thiên Hậu được phối tự với Hậu hiền và Địa Mẫu, trong khi các ngôi miếu khác ở Vĩnh Châu đều phối thờ với Quan Công và Phúc Đức chính thần. Sự xuất hiện của Hậu Hiền và Địa Mẫu tại chính điện thờ Thiên Hậu cũng cho thấy có dấu ấn giao lưu với tôn giáo truyền thống của người Việt.

3.2. Lễ hội

Ngày Vía Bà là lễ hội lớn nhất trong các ngôi miếu Thiên Hậu. Ở Nam Bộ, cũng như tại nhiều quốc gia khác, ngày 23/3 âm lịch là ngày sinh nhật Bà, các ngôi miếu thờ Bà đều tiến hành lễ hội lớn. Tuy nhiên, do quá trình cộng cư với cư dân Việt, xu hướng Việt hóa đã diễn ra qua thời gian tổ chức lễ hội. Tại Thiên Hậu cung/Chùa Bà Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, lễ vía đã diễn ra vào ngày rằm tháng Giêng âm lịch. Đến năm 2011 đã có sự thay đổi, lấy ngày 26 tháng Giêng làm lễ vía Bà. Đây là một trong những nét đặc thù của tỉnh Bình Dương, và tất cả 8 ngôi miếu có thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu trong Tỉnh cũng đều có sự khác biệt này. Miếu Thiên Hậu chợ Phổ (Phong Phú, huyện Cầu Kè, Trà Vinh) cũng đã chuyển dịch lễ vía Bà, từ ngày 23 tháng 3 thành ngày rằm tháng 3 âm lịch¹¹. Nói là tổ chức vào ngày sinh nhật, nhưng thông thường, tại các ngôi miếu lớn, BTS thường tổ chức liên tiếp trong 2 ngày, 22 và 23 tháng 3. Sự chuẩn bị khá chu đáo. Tại những ngôi miếu lớn, lễ tắm Bà (mộc dục) thường được tiến hành vào ngày 22. Sau khi tắm xong, Bà được thay chiếc áo mới, lễ này là lễ gia quan. Dù cho lễ mộc dục và gia quan ở mỗi miếu tổ chức thời gian khác nhau, nhưng đều được tiến hành trong ngày 22/3.

Trình tự tiến hành lễ Vía vào sáng 23/3 tại các ngôi miếu Thiên Hậu khá đồng nhất. Lễ cúng bắt đầu vào lúc 9 giờ sáng. Bất kỳ ngôi miếu nào, trong ngày Vía Thiên Hậu cũng phải cúng Thiên trước, tại bàn thờ Thiên Phụ Địa Mẫu đặt trước sân miếu. Ở miếu Thiên Hậu Sông Đốc, sau khi cúng Thiên đến cúng Quan Âm, Thiên Hậu, Bà Hỏa, Tiền hiền. Người chủ tế khấn nguyện, gióng 3 tiếng chuông, trống. Vía Bà gióng 12 tiếng.

Miếu Thiên Hậu Tp. Cà Mau theo nghi đánh 12 tiếng trống. Chuông theo trống, theo phong tục địa phương, không có xây châu.

Nội dung khẩn nguyện là cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Những ngôi miếu do người Triều Châu xây dựng, khi cúng thành viên BTS khẩn nguyện bằng tiếng Triều Châu, có miếu tổ chức đọc kinh Phật giáo. Miếu Thiên Hậu ở xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, trước do cộng đồng thuộc 7 phủ xây dựng, nhưng nay tất cả thành viên BTS chỉ có 5 người và đều là người Việt, nên trong lễ vía khẩn nguyện bằng tiếng Việt.

Lễ vật dâng cúng rất đa dạng. Lúc nào cũng phải có ngũ quả và tam sanh/sinh, tức 5 loại trái cây gồm bất kỳ loại trái nào, nhưng phải có cam và quýt, đặc biệt là quýt, vì tượng trưng cho kiết tường, đại cát. Tam sanh, gồm heo, bò, dê, hay ngũ sanh/sinh gồm: gà, vịt, cua, tôm, cá. Trước năm 1975, lễ vật trong tam sanh/sinh thường là heo trắng, đã bị giết chết, nhưng chưa nấu. Heo được làm sạch, chừa nhúm lông trên đầu. Sau này, nhiều ngôi miếu đã cải tiến, đơn giản hơn, bằng cách cúng heo quay. Ngoài ra, tùy vào từng nhóm phương ngữ khác nhau, mà lễ vật cũng có sự khác biệt đôi chút. Tại miếu Thiên Hậu Sông Đốc (Cà Mau) thành viên BTS đa số là người Hoa Triều Châu, khi cúng lễ vật thường là chè ý, bánh bò, bánh lá liễu, bánh trái đào... mỗi thứ gồm 12 phần.

Miếu Thiên Hậu ở Thị trấn Thới Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, lễ vật gồm ngũ quả, ngũ sanh. Đặc biệt, phải cúng 2 heo trắng, sống. Cúng xong, chia cho những người góp tiền. Ai cúng 300.000 đồng thì chia 1,5 kg thịt; cúng 500.000 đồng thì chia 2 kg thịt. Lễ vật phải có bánh bò nướng ổ lớn, và cốm 200 cái, mỗi năm một màu, chỉ có 2 loại này. Thường ngày, bá tánh cúng dâng Bà chè ý, bánh ít...

Đối với người Hoa Quảng Đông, trong bất kỳ lễ hội nào cũng đều có bánh bò, vì bánh này tượng trưng cho sự sinh sôi, nảy nở, phát triển, do khi bánh được hấp chín, sẽ nở cao lên, gọi là phá-cúi,

Đặc biệt, tại vùng Vũng Thơm (Sóc Trăng), nơi tập trung hầu hết các lò sản xuất bánh pía, mè láo, lễ vật cúng Bà lúc nào cũng phải có 2 món bánh này. Ngoài ra, miếu Bà ở Vũng Thơm thường cúng tàu hủ ky, bún tàu, đậu phộng chiên, rong đá, đậu hủ chiên¹².

Liên quan đến lễ hội là dịp vay tiền thần. Tục vay tiền Bà được thực hiện tùy vào mỗi miếu. Có miếu trước năm 1975 tổ chức vay tiền Bà,

nhưng nay không còn, như miếu Bà trong chợ Mỹ Xuyên, Sóc Trăng. Người Hoa đến miếu Thiên Hậu, vào dịp vía Bà, hoặc Tết, hoặc lễ Nguyên Tiêu để vay tiền Bà, với mong ước rằng từ tiền lộc Bà cho sẽ được mua may, bán đắt. Miếu Bà ở Vũng Thơm tổ chức vay tiền vào Tết Nguyên Tiêu, năm nay vay, năm sau trả. Miếu Bà ở xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng cho vay tiền vào dịp đầu năm mới.

4. Sinh hoạt văn hóa - nghệ thuật

Miếu Bà/hội quán cũng là nơi lưu giữ và phát huy truyền thống văn hóa - nghệ thuật, biểu diễn thể dục - thể thao.

Nhằm phục vụ cho hoạt động tôn giáo, nhất là các ngày vía Bà trong năm, tùy vào điều kiện kinh phí và nhân sự từng miếu mà sinh hoạt văn hóa - nghệ thuật có khác biệt. Có miếu tổ chức đào tạo nghệ nhân, còn là văn phòng của Hội Tương Tế người Hoa như ở Cà Mau, đại diện cho 14 hội đoàn, trong đó có các hội đoàn nhạc xã. Miếu Thiên Hậu ở Tp. Cà Mau có lập đoàn Đồng Tâm cổ nhạc xã. Trước năm 2007, miếu có tổ chức hát Tiều, mở lớp đào tạo bộ môn nghệ thuật này. Từ năm 2007, bắt đầu có hát tân nhạc. Lớp học không thường xuyên liên tục, do các em được đào tạo học lên đại học, phải đi xa nhà, khó tập trung, nên ngưng hoạt động. Hiện nay, ngày vía Bà tại miếu có hát tân nhạc, sử dụng 3 ngôn ngữ Việt, Hoa, Khmer.

Miếu Thiên Hậu ở xã An Hiệp, Châu Thành, Sóc Trăng tọa lạc tại vùng có đông người Khmer cư trú, ngày vía Bà mời đoàn hát Dù Kê Dân Công trình diễn trong hai đêm 22 và 23/3 âm lịch. Trước khi cúng, đại diện đoàn vào thắp nhang trình diện Bà. Người Hoa sinh sống tại khu vực này đều nghe và hiểu được tiếng Khmer, nên trong chương trình biểu diễn Dù Kê vẫn có xen vào vài bản tân nhạc Việt.

Trong các hình thức hoạt động văn nghệ, có múa là phổ biến nhất. Tùy vào từng nhóm phương ngữ mà có các hình thức múa khác biệt. Người Hoa Quảng Đông chuộng múa lân, người Hoa Triều Châu thích xem múa sư, người Phúc Kiến lại thích múa rồng. Trước năm 1975, các đoàn múa này được mời từ Tp. Hồ Chí Minh về trình diễn. Những năm gần đây, do kinh phí đóng góp trong một số miếu có hạn, nên có miếu vài năm mới thực hiện việc mời đoàn một lần. Miếu Thiên Hậu ở Vũng Thơm Sóc Trăng có lập Hội Bát Cẩu, tức sử dụng 8 loại nhạc cụ như kèn,

trống, sáo, chập chã... Hội được thành lập từ khi xây dựng miếu. Hiện nay, trong lễ vía Bà, miếu có mời đội lân của đình đến diễn.

Miếu Thiên Hậu ở Tp. Cà Mau quy định 60 năm mới tổ chức đưa thần đi diễu hành một lần trong phạm vi phường 2, từ 19 giờ tới 20 giờ.

Miếu Thiên Hậu ở Sông Đốc có đội lân Hưng Nghĩa Đường phục vụ các ngày vía và rằm tháng Giêng, tháng 7, ngày Tết. Miếu Thiên Hậu ở xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, Cà Mau có năm mời đoàn ca kịch Thống Nhất về, nhưng nay đoàn không còn, nên mời hát bội của người Việt đến biểu diễn.

Hoạt động thể dục - thể thao tại miếu Bà khá khác biệt, hoạt động thường bị gián đoạn. Hội bóng rổ của miếu Bà trong chợ Mỹ Xuyên có 20 người tham gia, được thành lập trước năm 1975, nhưng bị ngưng trệ một thời gian rồi mới được tái lập. Miếu Bà ở Mỹ Xuyên cũng có Triều Châu hội quán cổ nhạc xã. Hội Lò-cầu gồm 20 thành viên phục vụ múa lân, sư đã 30 năm, nhưng nay chỉ còn lại múa lân. Về nội dung, múa lân có ý nghĩa khá sâu sắc. Sự xuất hiện của lân là mang đến niềm vui, điềm lành, xua đuổi tà ma. Những đội lân ở Tây Nam Bộ không hùng hậu như tại Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sự vắng bóng của đoàn ca kịch Thống Nhất ở Tp. Hồ Chí Minh, chuyên về hát Tiều, hát Quảng cũng có ảnh hưởng đến hoạt động phục vụ các ngày vía Bà ở Tây Nam Bộ, vì đa số miếu Bà ở Tây Nam Bộ đều mời đoàn từ Tp. Hồ Chí Minh về diễn.

Đến hội quán vào ngày vía Bà, người Hoa không chỉ đơn thuần vì niềm tin tôn giáo, mà còn để thưởng lãm văn nghệ, thể dục - thể thao. Nhu cầu thưởng thức các hoạt động sân khấu văn nghệ có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống văn hóa tinh thần của người Hoa.

5. Hoạt động phúc lợi xã hội

Là những di dân ra nước ngoài sinh sống, nên việc chăm lo cho đời sống của cộng đồng mình là việc làm trước tiên và quan trọng nhất của từng nhóm người Hoa. Mỗi cộng đồng, mỗi nhóm Hoa theo từng phương ngữ đã xây dựng hội quán ngay khi vừa đến vùng đất mới định cư, để một mặt vừa có chỗ cho nhóm mình cư trú, vừa có nơi thờ thần linh, trung tâm quy tụ sinh hoạt tâm linh của cộng đồng. Vì vậy, có thể thấy, ngôi miếu là trung tâm, vừa là nơi sinh hoạt tâm linh, vừa là nơi tụ họp để giúp đỡ thiết thực nhất cho cộng đồng, cũng vừa là nơi giáo dục cho con em những thế hệ tiếp nối giữ gìn được ngôn ngữ và chữ viết của cộng

đồng. Như vậy, một địa điểm thờ Bà vừa là nơi hoạt động từ thiện - xã hội, vừa là nơi điều phối các sinh hoạt của một con người, từ khi sinh ra cho đến lúc qua đời. Hội quán chăm sóc cho thành viên của cộng đồng mình bằng nhiều hình thức hoạt động khác nhau. Khi mới đến định cư, hội quán là nơi tập trung ăn ở tạm bợ, nơi chăm sóc cho nhau khi chưa có công việc làm ăn buôn bán; hội quán cũng tạo điều kiện cho từng thành viên có vốn làm ăn khi việc làm đã ổn định,...

Hiện nay, trong sinh hoạt hằng ngày, thành viên BTS là những người có trách nhiệm theo dõi, bao quát tình hình trong miếu/hội quán để kịp thời chăm sóc, thăm hỏi hội viên, động viên về tinh thần, hỗ trợ về vật chất cho những thành viên gặp khó khăn trong cuộc sống, khi có cưới hỏi hoặc tang chế. Có thể nhận biết tinh thần này qua hoạt động từ thiện - xã hội của các ngôi miếu Bà. Các hội quán ngày càng đẩy mạnh hoạt động thiết thực này. Tại các miếu Bà, hoạt động từ thiện xã hội thể hiện rõ nét nhất qua ngày lễ Vu Lan Thắng hội.

Phạm vi hoạt động từ thiện xã hội của các hội quán không chỉ gói gọn trong địa phương mình, mà còn tham gia ngày càng tích cực vào các chương trình hoạt động xã hội cả nước, do chính quyền, ban ngành địa phương phát động, trong đó có những chương trình lớn như Xóa đói giảm nghèo, xây Nhà Tình Thương, Nhà Tình nghĩa, hỗ trợ bệnh nhân nghèo...

Kết luận

Từ góc nhìn Văn hóa học, Sử học và Dân tộc học, đi sâu tìm hiểu các thiết chế văn hóa tâm linh qua tục thờ Thiên Hậu ở Tây Nam Bộ, nhận diện về mặt tổ chức và hoạt động của miếu/hội quán Thiên Hậu như một thiết chế văn hóa điển hình của một cộng đồng theo nhóm phương ngữ, cho thấy đây là một thiết chế độc đáo, thể hiện tính cộng đồng, và là một thiết chế mang tính liên hoàn nhằm phục vụ tốt nhất cho cộng đồng.

Về văn hóa tổ chức, đây là một thiết chế xã hội, có đầy đủ các yếu tố như cơ sở vật chất, tổ chức nhân sự, cơ chế vận hành. Xét về lĩnh vực hoạt động, đó là một thiết chế văn hóa bao gồm văn hóa trọng tĩnh và trọng động. Nếu như các hoạt động trọng tĩnh, bao gồm kiến trúc cơ sở thờ tự, thờ cúng, xây trường học, hội quán... nhằm vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng, thì hoạt động trọng động lại hướng đến việc xác lập có hiệu quả vai trò của người Hoa trong tham gia xây dựng đời sống văn hóa - xã hội của địa phương.

Nhìn chung có thể nhận thấy một số điểm nổi bật sau:

- Miếu/hội quán là một thiết chế văn hóa tâm linh quan trọng trong đời sống văn hóa của người Hoa tại Tây Nam Bộ. Đây là nơi tổ chức, hội họp, tập trung nhóm người Hoa theo phương ngữ, hoặc là nơi tập hợp của nhiều nhóm người Hoa khác nhau (trường hợp Thất Phủ miếu), tham gia vào các hoạt động văn hóa - xã hội của từng địa phương.

Với thiết chế văn hóa tâm linh tại các miếu thờ Thiên Hậu cho thấy đây là hình thức văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng. Nếu như văn hóa trọng tĩnh thiên về hoạt động có chiều sâu, nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa của cộng đồng thì văn hóa trọng động lại thiên về hoạt động có chiều rộng, nhằm góp phần phát triển các lĩnh vực của đời sống văn hóa - xã hội tại địa phương, và trong mối quan hệ giao lưu với các nơi khác, mang tính quốc gia và xuyên biên giới. Như vậy, thông qua các thiết chế văn hóa tâm linh qua tục thờ Thiên Hậu, người Hoa vừa bảo tồn bản sắc văn hóa của tộc người mình, vừa hội nhập vào đời sống văn hóa - xã hội của Tây Nam Bộ, của Việt Nam và cả trên thế giới, thông qua mạng lưới xã hội của thân nhân họ trong từng quốc gia.

- Từ các hoạt động mang tính trọng động, với thiết chế văn hóa tâm linh đặc thù, trước đây cộng đồng tộc người Hoa đã tạo nên một thể liên hoàn khép kín. Với sự hiện diện của ngôi miếu, người Hoa dùng tiền cúng đức cúng dường từ miếu để sử dụng vào việc công ích cho cộng đồng, như mở lớp học Hoa văn bồi dưỡng tại trường học ngay bên phải của miếu để duy trì tiếng nói và chữ viết cho cộng đồng; lập hội quán ngay bên trái miếu để hỗ trợ cho cuộc sống, cả về vật chất và tinh thần cho cộng đồng mình. Hiện nay, thể liên hoàn trong tổ chức xã hội của từng nhóm Hoa, trong từng ngôi miếu đã có sự biến đổi. Các hoạt động an sinh xã hội từ tiền cúng dường trong miếu Bà không chỉ dành phục vụ riêng cho mỗi nhóm người Hoa, mà đã trở thành hoạt động công ích cho xã hội, cho đất nước Việt Nam, mà người Hoa là công dân, là một thành phần tộc người trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

- Các thiết chế văn hóa tâm linh qua tục thờ Thiên Hậu ở Tây Nam Bộ, về đại thể hình thành muộn hơn so với các thiết chế của từng nhóm phương ngữ ở Tp. Hồ Chí Minh. Đa số miếu có niên đại thành lập sớm nhất cũng vào giữa và cuối thế kỷ XIX. Điều này lý giải vì sao trong các cơ sở thờ tự Bà hiện nay ở Tây Nam Bộ, tính thuần nhất về phương ngữ trong BTS ít hơn so với cùng trường hợp ở Tp. Hồ Chí Minh. Mặt khác, vì ký do kinh tế, nhiều năm qua, người Hoa ở Tây Nam Bộ, đặc biệt là

nhóm Hoa Phúc Kiến đã ra hải ngoại khá nhiều, từ đó đưa đến sự chuyển đổi thành phần nhóm tộc người trong BTS, đưa đến sự thay đổi cách bày trí tượng thờ và các thần linh được thờ tự, như trường hợp Thiên Hậu cung ở Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, Bạc Liêu đã đưa tượng Bà Chúa Xứ vào phối tự với Thiên Hậu Thánh Mẫu từ sau năm 2005, mà trước đây vốn là ngôi miếu thờ Ông Bồn của người Hoa Phúc Kiến, mang tên Phúc Đức cổ miếu.

- Thiết chế văn hóa hội quán cần đưa vào quỹ đạo của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tại địa phương. Việc làm này cần có sự phối hợp chặt chẽ từ 2 phía: Nhà nước và BTS miếu. Đối với các hoạt động văn hóa trọng tĩnh, Nhà nước cần tạo mọi thuận lợi trong việc quản lý trường học, đất nghĩa trang... Đối với các hoạt động văn hóa trọng động, cần có chính sách bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho một số thành viên BTS. Với nhiệt tình chăm lo cho cộng đồng và sự phối hợp nhịp nhàng với chính quyền, hoạt động thờ cúng Thiên Hậu, qua các thiết chế văn hóa tâm linh đã nêu trên sẽ có điều kiện phát huy hơn nữa tính lợi ích vì cộng đồng và cho cộng đồng qua các hoạt động an sinh xã hội mà ngôi miếu/hội quán Thiên Hậu chính là trung tâm điều phối các hoạt động này./.

CHÚ THÍCH:

- 1 http://chungta.com/Desktop.aspx/KinhDoanh-QTDN/The_ao_la_van_hoa_to_chuc/
- 2 Nguyễn Văn Huy (1993), *Người Hoa tại Việt Nam*, Costa Mesa, Nxb. ABC: 363.
- 3 Nguyễn Đệ (2008), *Tổ chức xã hội của người Hoa ở Nam Bộ*, Luận án Tiến sĩ, chuyên ngành Dân tộc học: 81.
- 4 Tsai Maw Kuey (1968), *Les Chinois au Sud Viet Nam (Người Hoa ở miền Nam Việt Nam)*, bản dịch của Ủy ban nghiên cứu Sử học và Khoa học của Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn / Đỗ Văn Anh, Luận văn Đại học Sorbonne, Paris :36
- 5 Gồm Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam, Quảng Châu.
- 6 Gồm Phúc Kiến, Triều Châu, Hải Nam, Quảng Đông, Quỳnh Châu, Phúc Châu, Hẹ.
- 7 LiTaNa và Nguyễn Cẩm Thúy (chủ biên, 1999), *Bia chữ Hán trong Hội quán người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 9.
- 8 Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam bộ - Tín ngưỡng & Tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 13 - 14.
- 9 Vương Triệu Tường, Lưu Văn Trí (1999), *Thương nhân Trung Hoa, họ là ai?* Cao Tự Thanh dịch, Nxb. Trẻ: 96.
- 10 Vương Triệu Tường, Lưu Văn Trí (1999), sđd: 100 - 101.
- 11 Đặng Hoàng Lan (2014), *Lễ hội Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa ở Nam Bộ (Nghiên cứu trường hợp tại Thiên Hậu Cung - Thủ Dầu Một, Bình Dương và*

miếu Thiên Hậu quận 5, Tp. HCM), trong sách Võ văn Sen, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Văn Lân (chủ biên), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. HCM: 440.

12. Phỏng vấn ông Trần Tấn Nghiệp, 64 tuổi, thành viên Ban Trị sự miếu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Huy (1993), *Người Hoa tại Việt Nam*, Costa Mesa, Nxb. ABC.
2. LiTaNa và Nguyễn Cẩm Thúy (1999), *Bia chữ Hán trong Hội quán người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đặng Hoàng Lan (2011), “Khai thác giá trị hoạt động du lịch trong lễ hội vía Bà Thiên Hậu của người Hoa ở Tp. Hồ Chí Minh”, trong *Thông báo Văn hóa 2010*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Nxb. Khoa học xã hội,
4. Đặng Hoàng Lan (2014), *Lễ hội Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Hoa ở Nam Bộ (Nghiên cứu trường hợp tại Thiên Hậu Cung - Thủ Dầu Một, Bình Dương và miếu Thiên Hậu quận 5, Tp. HCM)*, trong sách Võ văn Sen, Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Văn Lân (chủ biên), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - Bản sắc và giá trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. HCM.
5. Trần Hồng Liên (2005), *Văn hóa người Hoa ở Nam bộ - Tín ngưỡng & Tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Hồng Liên (chủ biên, 2007), *Văn hóa người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
7. Vương Triệu Tường, Lưu Văn Trí (1999), *Thương nhân Trung Hoa, họ là ai?* Cao Tự Thanh dịch, Nxb. Trẻ.
8. http://chungta.com/Desktop.aspx/KinhDoanh-QTDN/The_ao_la_van_hoa_to_chuc/

Abstract

SPIRITUAL CULTURAL INSTITUTION THROUGH THE CULT OF THE LADY THIÊN HẬU OF CHINESE IN THE WEST - COCHINCHINA: TRADITION AND TRANSFORMATION

This article indicates the cultural institution in the Cult of the Lady Thiên Hậu (Lady of the Sea) in many dimensions such as modes of social organization, place of worship, worship, and local cultural activities. It also compares tradition with transformation in the tendency of urbanization in West-Cochinchina.

Keywords: Cult, Chinese, Thiên Hậu, tradition, transformation, West - Cochinchina.